

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 234/2025/HC-PT
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

V/v khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh
Bà Nguyễn Ngọc Hoa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tuyến, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 35/2025/TLPT-HC ngày 15 tháng 01 năm 2025 về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 67/2024/HC-ST ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2863/2025/QĐ-PT ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Bà Phan Thị M, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Lê Thị Mai N, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ A phường N, quận L, thành phố Hà Nội.

- **Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc C, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V (Văn bản ủy quyền ngày 24/4/2025)

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V.

2. Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Mạnh T1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

3. Công ty Cổ phần T5 (trước đây là Công ty Cổ phần Đ2 - Vihajico); địa chỉ: Khu đô thị T, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công H; chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty.

4. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên;

5. Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên;

6. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn F, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên;

7. Bà Nguyễn Thị T3; địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên;

8. Ông Nguyễn Văn N1; địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên;

9. Ông Nguyễn Văn V; địa chỉ: Thôn F, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên;

10. Bà Nguyễn Thị N2; địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ, anh T2, anh L, ông V, bà N2: Bà Phan Thị M, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

- *Người kháng cáo:* Bà Phan Thị M (Là người khởi kiện).

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Phan Thị M có mặt; các đương sự và người tham gia tố tụng khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện là bà Phan Thị M và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Theo Biên bản giao đất nông nghiệp cho các hộ gia đình năm 1998 thể hiện hộ bà Phan Thị M có các nhân khẩu được giao đất nông nghiệp là các thành viên hộ gia đình gồm: ông Nguyễn Văn Đ, bà Phan Thị M, anh Nguyễn Văn T2, anh Nguyễn Văn L và bà Phan Thị T4. Tổng diện tích đất được giao theo tiêu chuẩn cho các nhân khẩu là 2.412m² tại địa bàn xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Gia đình bà M đã bị thu hồi đối với các xứ đồng: Ngòi diện tích 424,8m², Thị Đàm diện tích 90m², Cầu Ván diện tích 288 m² và Cầu Ván diện tích 81m².

Ngày 24/4/2012, Chủ tịch UBND huyện V đã chỉ đạo, tổ chức cưỡng chế thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình bà tại các xứ đồng: Cầu V diện tích (288+90) m² và Thị Đàm 81m² để giao cho Công ty Cổ phần T5 (trước đây là Công ty Cổ phần Đ2 - V) là chủ đầu tư dự án E.

Đối với xứ đồng Ngòi (424,8m²) thì gia đình bà đã di dời tài sản tài sản do bị cưỡng chế trong đợt 1 từ ngày 08/01/2009, thửa đất này không nằm trong phạm vi bị cưỡng chế ngày 24/4/2012.

Hành vi chỉ đạo tổ chức cưỡng chế thu hồi đất ngày 24/4/2012 của Chủ tịch UBND huyện V đã vi phạm các quy định của pháp luật đất đai, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà M bởi các lý do sau đây:

- Dự án Ecopark Văn G không chứng minh được lý do thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại Điều 39 Luật Đất đai 2003.

- Tại thời điểm cưỡng chế thu hồi đất, Chủ tịch UBND huyện V chưa đủ căn cứ pháp lý về văn bản phê duyệt, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp có thẩm quyền; không có Thông báo thu hồi đất, không ra quyết định thu hồi đất hoặc quyết định cưỡng chế thu hồi đất; không xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. UBND xã không niêm yết quyết định cưỡng chế thu hồi đất tại trụ sở UBND xã theo quy định.

- Chủ tịch UBND huyện V chỉ đạo tổ chức cưỡng chế thu hồi đất mà không bàn bạc với các hộ có đất bị thu hồi và Hội đồng nhân dân các cấp là trái pháp luật.

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án: Tuyên bố hành vi cưỡng chế thu hồi đất ngày 24/4/2012 của Chủ tịch UBND huyện V là trái quy định pháp luật; yêu cầu Công ty Cổ phần T5 ngừng ngay hoạt động thi công và hoàn trả tài sản đất đai đã được bàn giao do hành vi cưỡng chế ngày 24/4/2012 của Chủ tịch UBND huyện V, tỉnh Hưng Yên.

2. Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện V trình bày:

a) Về chủ trương đầu tư, Dự án Khu đô thị T được triển khai theo các Quyết định:

Quyết định số 742/QĐ-TTg ngày 30/6/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu hồi 5.540.712m² đất tại các xã X, P, C, L, T, thị trấn V thuộc huyện V; các xã H, Y, Y thuộc huyện Y và các xã Đ, T, D thuộc huyện K, tỉnh Hưng Yên; giao toàn bộ diện tích đất thu hồi cho chủ đầu tư để thực hiện dự án xây dựng tuyến đường từ cầu T đi thị xã H đoạn từ huyện V đến xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên theo phương thức sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng.

Quyết định số 2549/QĐ-UB ngày 21/10/2004 của UBND tỉnh H về việc thu hồi 4.990.706m² đất theo Quyết định số 742/QĐ-TTg ngày 30/6/2004 của Thủ tướng Chính phủ tại các xã X, C, Phụng C1 và thị trấn V; giao toàn bộ diện tích đất cho Công ty Cổ phần Đ2 để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị T, tỉnh Hưng Yên theo phương thức sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng (phần diện tích thu hồi tại xã X 1.219.348m²);

Quyết định số 2550/QĐ-UB ngày 21/10/2004 của UBND tỉnh H về việc thu hồi 550.006m² đất theo Quyết định số 742/QĐ-TTg ngày 30/6/2004 của Thủ

tướng Chính phủ tại các xã X, C, Phụng C1 và thị trấn V; giao 541.133m² đất cho Công ty Cổ phần Đ2 để xây dựng đường từ cầu T đi thị xã H đoạn từ huyện V đến xã D, huyện K và 8.873m² đất để làm mương thủy lợi mới theo phương thức sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng.

Ngày 08/6/2005, UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 2006/QĐ-UB về việc phê duyệt phương án bồi thường và hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất, giao đất cho Công ty Cổ phần Đ2 để xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu Đô thị -, địa phận xã X, huyện V. Trong đó có nội dung bồi thường đất nông nghiệp cho các hộ dân là 466.605,82m² x 43.425 đồng/m².

b) Về công tác giải phóng mặt bằng (GPMB):

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện V đã tiến hành kiểm kê, lập phương án trình UBND huyện V ban hành quyết định phê duyệt; tổ chức niêm yết công khai phương án bồi thường để người dân được biết và kiểm tra; tổ chức chi trả cho các hộ tự nguyện nhận tiền và bàn giao mặt bằng; chuyển tiền vào ngân hàng đối với các hộ chưa nhận tiền (theo Công văn số 781/CV-STC ngày 29/9/2008 của Sở Tài chính tỉnh H).

Tổng số hộ gia đình đã nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng và bàn giao mặt bằng tính đến trước thời điểm thực hiện việc cưỡng chế là 1560 hộ/1720 hộ; tổng số hộ gia đình còn lại không nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng và không bàn giao mặt bằng tính đến trước thời điểm thực hiện cưỡng chế là 160 hộ. Diện tích phải cưỡng chế khoảng 5,86 ha.

Tính đến thời điểm hiện nay, số hộ gia đình đã nhận tiền giải phóng mặt bằng là 1623 hộ; số hộ gia đình không nhận tiền giải phóng mặt bằng là 97 hộ.

c) Về công tác tuyên truyền, vận động:

Huyện ủy, UBND huyện V và UBND xã X đã tổ chức rất nhiều hội nghị họp dân và đối thoại để tuyên truyền, vận động, giải thích, thuyết phục các hộ dân ủng hộ dự án; phổ biến chính sách bồi thường, hỗ trợ GPMB cùng các khoản hỗ trợ của Chủ đầu tư nhằm đảm bảo lợi ích cho người có đất bị thu hồi (phát cho từng hộ dân bộ tài liệu tuyên truyền).

d) Về công tác tổ chức cưỡng chế:

Do hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ (vợ là bà Phan Thị M) không thực hiện quyết định thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền (Quyết định số 742/QĐ-TTg ngày 30/6/2004 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 2549/QĐ-UB ngày 21/10/2004 của UBND tỉnh H); không thực hiện việc nhận tiền bồi thường GPMB; không chấp hành việc di chuyển cây cối, hoa màu và các loại tài sản trên đất để thực hiện Dự án theo Thông báo số 34/TB-HĐBT ngày 23/11/2011 của Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện V, cho nên hộ gia đình đã có hành vi vi phạm hành chính về pháp luật đất đai quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai do “không trả lại đất đúng thời hạn theo Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

Ngày 05/12/2011, đại diện Hội đồng, UBND xã X và cơ sở thôn đã lập biên bản bàn giao đất với hộ gia đình ông Đ (Mỹ). Theo đó, hộ gia đình ông Đ phải tiến hành bàn giao các thửa đất thu hồi vào dự án Khu đô thị thuộc địa phận xã X, các xứ đồng gồm: Cầu Ván diện tích $(288+90)m^2$ và Thị Đàm $81m^2$. Tuy nhiên, hộ gia đình ông Đ không ký biên bản bàn giao đất.

Ngày 12/12/2011, UBND xã X lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Đ với hành vi không trả lại đất đúng thời hạn theo quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tổ công tác thôn đã tiến hành giao biên bản vi phạm hành chính nhưng ông Đ không ký biên bản.

Ngày 13/12/2011, Chủ tịch UBND huyện V (ủy quyền cho ông Chu Quốc H1, Phó Chủ tịch UBND huyện theo Văn bản ủy quyền ngày 02/12/2011) ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5458/QĐ-XPHC đối với ông Nguyễn Văn Đ vì đã có hành vi không thực hiện việc giải tỏa tài sản trên đất, bàn giao đất đúng thời hạn theo quyết định thu hồi đất và thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 39, Điều 40 Luật Đất đai 2003 sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Điều 17 Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Hình thức là phạt tiền 1.000.000 đồng; yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ phải di chuyển cây cối, hoa màu, các loại tài sản trên đất để bàn giao lại đất đúng thời hạn. Thời hạn nộp phạt là 10 ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt. Nếu quá thời hạn mà người bị xử phạt không chấp hành quyết định xử phạt thì sẽ bị cưỡng chế thi hành và phải chịu mọi chi phí cho việc tổ chức cưỡng chế. Ngày 15/12/2011, Tổ công tác thôn đã đến nhà giao quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng ông Đ không hợp tác và không ký biên bản.

Ngày 05/4/2012, Chủ tịch UBND huyện V đã ban hành Quyết định số 580/QĐ-CCK về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng các biện pháp cưỡng chế khác để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Văn Đ; lý do cưỡng chế: Không thực hiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Địa điểm thực hiện cưỡng chế: Xứ đồng Cầu V1 và Thị Đ1 tại xã X, huyện V. Biện pháp cưỡng chế: Giải tỏa mặt bằng trên thực địa để bàn giao đất theo các quyết định và thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thời gian thực hiện cưỡng chế: Từ ngày 20/4/2012. Ngày 05/4/2012, Tổ công tác thôn đã đến gia đình để giao quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng các biện pháp khác cho ông Đ nhưng ông Đ không hợp tác. Ngày 23/4/2012, UBND huyện V ban hành Thông báo số 43/TB-UBND về việc tổ chức hỗ trợ thi công và cưỡng chế bàn giao đất thuộc địa phận xã X để thực hiện dự án Khu Đô thị -. Ngày 24/4/2012, UBND huyện V tổ chức thực hiện cưỡng chế ngoài thực địa; kết quả cưỡng chế được lập thành biên bản và gửi cho hộ gia đình nhưng hộ gia đình không hợp tác.

Người bị kiện xác định các quyết định hành chính có liên quan về việc thu hồi đất, xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng các biện pháp khác để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất

đại đều được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, có căn cứ, phù hợp với quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Căn cứ các quy định của pháp luật về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai; sau khi rà soát, đối chiếu với các văn bản thuộc hồ sơ cưỡng chế và trình tự các bước thực hiện cưỡng chế nêu trên, Chủ tịch UBND huyện tổ chức cưỡng chế thu hồi đất ngày 24/4/2012 đối với người khởi kiện là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

3. Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Người đại diện hợp pháp của UBND huyện V, tỉnh Hưng Yên thống nhất quan điểm, đề nghị của Chủ tịch UBND huyện V và không bổ sung nội dung gì khác.

3.2. Người đại diện hợp pháp của UBND xã X, huyện V xác định việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện V đối với hộ gia đình người khởi kiện đã bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật nên đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

3.3. Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần T5 trình bày: Toàn bộ dự án của Công ty được nhà nước giao đất là đúng quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

3.4. Các thành viên hộ gia đình có đất bị thu hồi đều thống nhất với yêu cầu của người khởi kiện, không ai có ý kiến khác.

4. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 67/2024/HC-ST ngày 17 tháng 7 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã quyết định: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị M về việc yêu cầu Tòa án tuyên hành vi tổ chức cưỡng chế bằng các biện pháp khác để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai ngày 24/4/2012 của Chủ tịch UBND huyện V đối với hộ gia đình bà là trái pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định miễn án phí hành chính sơ thẩm cho bà M và phổ biến quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

5. *Kháng cáo:* Ngày 18/7/2024, người khởi kiện là bà Phan Thị M có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm và buộc Công ty Cổ phần T5 hoàn trả lại toàn bộ diện tích đất (đã được UBND huyện V giao) cho gia đình bà.

6. Tại phiên tòa phúc thẩm:

6.1. Bà Phan Thị M giữ nguyên đơn khởi kiện, đơn kháng cáo.

6.2. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ, đúng

các thủ tục theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính. Tại phiên tòa, phía người bị kiện đều vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt phía người bị kiện là đúng quy định tại Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng có mặt chấp hành nội quy phiên tòa và đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi đánh giá nội dung, các tình tiết của vụ án, Kiểm sát viên kết luận Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện bà Phan Thị M là có căn cứ pháp luật. Bà Phan Thị M kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm nhưng không giao nộp được thêm tài liệu, chứng cứ hoặc đưa ra được lý do nào mới để chứng minh cho nội dung kháng cáo là có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính, bác đơn kháng cáo của bà Phan Thị M và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm định tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, của người đại diện hợp pháp của đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên và nghị án,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bà Phan Thị M trình bày bà khởi kiện vụ án với những căn cứ, lý do như sau:

- Dự án Ecopark Văn G không chứng minh được lý do thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại Điều 39 Luật Đất đai 2003.

- Tại thời điểm cưỡng chế thu hồi đất, Chủ tịch UBND huyện V chưa đủ căn cứ pháp lý về văn bản phê duyệt, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp có thẩm quyền; không có Thông báo thu hồi đất, không ra quyết định thu hồi đất hoặc quyết định cưỡng chế thu hồi đất; không xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. UBND xã không niêm yết quyết định cưỡng chế thu hồi đất tại trụ sở UBND xã theo quy định.

- Chủ tịch UBND huyện V chỉ đạo tổ chức cưỡng chế thu hồi đất mà không bàn bạc với các hộ có đất bị thu hồi và Hội đồng nhân dân các cấp là trái pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về căn cứ và thẩm quyền thu hồi đất:

Hồ sơ vụ án thể hiện ngày 25/3/2004 UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 632/QĐ-UB về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị T; ngày 30/3/2004 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 303/QĐ-TTg về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2001-2005) tỉnh Hưng Yên, theo đó đã phê duyệt bổ sung quỹ đất để tạo vốn xây dựng hạ tầng đô thị huyện V là 500 ha; ngày 25/6/2004 UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 1430/QĐ-UB về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô

thị T và Quyết định số 1431/QĐ-UB về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông liên tỉnh Hưng Yên - Hà Nội; chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Đ2.

Ngày 30/6/2004, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 742/QĐ-TTg về việc thu hồi 5.540.712m² đất tại một số địa phương thuộc huyện V và huyện K, tỉnh Hưng Yên; giao toàn bộ diện tích đất thu hồi cho Chủ đầu tư để thực hiện Dự án xây dựng tuyến đường từ cầu T đi thị xã H đoạn từ huyện V đến xã D, huyện K theo phương thức sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng. Theo đó, ngày 21/10/2004 UBND tỉnh H ban hành: Quyết định số 2549/QĐ-UB về việc thu hồi đất để giao cho Công ty Cổ phần Đ2 thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị T; Quyết định số 2550/QĐ-UB về việc thu hồi đất để giao cho Công ty Cổ phần Đ2 xây dựng đường từ cầu T đi thị xã H và để làm mương thủy lợi mới.

Như vậy, việc UBND tỉnh H triển khai thực hiện Quyết định số 742/QĐ-TTg ngày 30/6/2004 của Thủ tướng Chính phủ (đã quyết định việc thu hồi đất và giao đất theo thẩm quyền) bằng việc ban hành Quyết định số 2549/QĐ-UB và Quyết định số 2550/QĐ-UB về việc thu hồi đất để giao cho Công ty Cổ phần Đ2 thực hiện các dự án (thuộc nhóm dự án do Nhà nước thu hồi đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng) là hoàn toàn có căn cứ, đúng thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai năm 1993 (được sửa đổi, bổ sung năm 1998 và năm 2001), Luật Đất đai năm 2003 và các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

Ngày 06/8/2007, UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 1331/QĐ-UB về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất tại xã X, huyện V để xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị T (đợt 5) và đã có 141 hộ nhận tiền bồi thường.

Ngày 29/9/2008, UBND huyện V ban hành Quyết định số 2788/QĐ -UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ thuộc diện kiểm kê bắt buộc khi Nhà nước thu hồi đất tại xã X, huyện V để thực hiện dự án, diện tích đất bị thu hồi theo quyết định này là 194.416,31m² và tổng số hộ có đất thu hồi được bồi thường là 304 hộ. UBND xã X đã tổ chức niêm yết công khai phương án bồi thường để người dân được biết và kiểm tra; tổ chức chi trả cho các hộ tự nguyện nhận tiền và bàn giao mặt bằng; chuyển tiền vào ngân hàng đối với các hộ chưa nhận tiền. Kết quả thực hiện giải phóng mặt bằng (GPMB) thể hiện số hộ gia đình đã nhận tiền bồi thường, GPMB là 1623 hộ/1720 hộ, số hộ gia đình không nhận tiền bồi thường, GPMB là 97 hộ.

Như vậy, ý kiến của bà M cho rằng việc thu hồi đất để thực hiện Dự án khi không có lý do, căn cứ pháp lý thu hồi; chưa có đủ căn cứ pháp lý về văn bản phê duyệt, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp có thẩm quyền; không có Thông báo thu hồi đất, không ra quyết định thu hồi đất; không xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là không đúng với diễn biến khách quan của sự việc.

[2] Về việc xử lý vi phạm hành chính và việc tổ chức thi hành quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

Xem xét các tài liệu, chứng cứ do phía người bị kiện giao nộp thì thấy: Sau khi UBND tỉnh H ban hành các Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường và hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất thì UBND xã X đã niêm yết công khai, thông tin đến các hộ dân tại địa phương và đã có 1623 hộ/1720 hộ dân trong địa phương nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và chấp hành việc giao đất.

Ngày 23/11/2011, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện V ban hành Thông báo số 34/TB-HĐBT về việc di chuyển cây cối, hoa màu và các loại tài sản trên đất để thực hiện dự án. Thông báo này được công bố trên hệ thống loa truyền thanh xã, niêm yết tại trụ sở UBND xã X và Nhà văn hóa các thôn nhưng hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ (vợ là bà Phan Thị M) và một số hộ dân khác không chấp hành quyết định thu hồi đất, không thực hiện việc di dời tài sản, không ký biên bản bàn giao đất nên ngày 12/12/2011 UBND xã X đã lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với hộ ông Đ do đã có hành vi vi phạm hành chính là không trả lại đất đúng thời hạn theo quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tuy nhiên, gia đình ông Đ không ký biên bản vi phạm và từ chối nhận biên bản vi phạm.

Ngày 13/12/2011, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với một số hộ dân của xã X, trong đó có hộ gia đình ông Đ do đã có hành vi vi phạm là không thực hiện việc giải tỏa tài sản trên đất, bàn giao đất đúng thời hạn theo quyết định thu hồi đất và thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đã vi phạm quy định tại Điều 39, 40 Luật đất đai năm 2003 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Điều 17 Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Theo các quyết định xử phạt vi phạm hành chính này thì người vi phạm ngoài việc phải chịu hình thức xử phạt tiền, còn buộc phải di chuyển cây cối, hoa màu, các loại tài sản khác trên đất để bàn giao đúng thời hạn. Thời hạn người vi phạm thực hiện quyết định hành chính là 10 ngày, kể từ ngày được giao quyết định, quá thời hạn mà không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế. Gia đình ông Đ được tổ công tác của UBND xã X giao trực tiếp Quyết định này nhưng đã từ chối nhận văn bản.

Ngày 05/4/2012, Chủ tịch UBND huyện V ban hành các Quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng các biện pháp khác để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với các hộ dân của xã X đã không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trong đó có hộ gia đình ông Đ, bà M; theo đó, địa điểm cưỡng chế tại các xứ đồng của xã X, biện pháp cưỡng chế là giải tỏa mặt bằng trên thực địa để bàn giao đất theo các quyết định và thông báo của cơ quan nhà nước, thời gian cưỡng chế từ ngày 20/4/2012. Các hộ gia đình thuộc đối tượng bị cưỡng chế, trong đó có hộ gia đình ông Đ, bà M được tổ công tác của UBND xã X giao trực tiếp Quyết định cưỡng chế nhưng đã từ chối nhận văn bản.

Thực hiện Quyết định trên, ngày 19/4/2012 UBND huyện V ban hành Thông báo số 41/TB-UBND về việc tổ chức hỗ trợ thi công và cưỡng chế bàn giao đất thuộc địa phận xã X để thực hiện dự án Khu đô thị .. Ngày 23/4/2012, UBND

huyện V ban hành Thông báo số 43/TB-UBND về việc tổ chức hỗ trợ thi công và cưỡng chế bàn giao đất thuộc địa phận xã X để thực hiện dự án Khu đô thị ., Ngày 24/4/2012, Chủ tịch UBND huyện V tổ chức thực hiện cưỡng chế ngoài thực địa. Kết quả cưỡng chế được lập thành biên bản và gửi cho hộ gia đình nhưng hộ gia đình không hợp tác. Cùng ngày, đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H, UBND huyện V và UBND xã X đã ký Biên bản bàn giao đất (mặt bằng thi công) cho Chủ đầu tư sau khi hoàn thành xong cưỡng chế (có Biên bản bàn giao đất).

Như vậy, việc Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và tổ chức cưỡng chế giải phóng mặt bằng, hỗ trợ thi công ngày 22/4/2012 là có căn cứ, đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục và thời hạn theo quy định tại các Điều 20, 55, 56, 66, 67 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính; các Điều 39, 40 Luật Đất đai năm 2003 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và các Điều 4, 6, 7, 8, 9 Nghị định số 37/2005/NĐ-CP ngày 18/3/2005 của Chính phủ quy định thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

[3] Tổng hợp những tình tiết, sự kiện, những nội dung phân tích ở trên và ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Việc thu hồi đất, xử lý vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ (vợ là bà Phan Thị M) đã được UBND tỉnh H, UBND và Chủ tịch UBND huyện V, tỉnh Hưng Yên ban hành các Quyết định hành chính đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và đúng căn cứ pháp luật. Các Quyết định trên đã được giao cho gia đình ông Nguyễn Văn Đ (vợ là bà Phan Thị M) nhưng do gia đình không ký vào biên bản, không hợp tác và không chấp hành các Quyết định trên nên sau khi ban hành thông báo về việc cưỡng chế, ngày 24/4/2012 UBND huyện V đã tổ chức thực hiện việc thi hành quyết định cưỡng chế là hoàn toàn đúng các quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị M là đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính. Bà Phan Thị M kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm nhưng bà M không đưa ra được tài liệu, chứng cứ hoặc lý do nào mới để chứng minh nội dung kháng cáo là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị M.

[4] Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Phan Thị M có kháng cáo không được chấp nhận nhưng là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính: Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Phan Thị M; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 67/2024/HC-ST ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

2. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 và khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bà Phan Thị M được miễn toàn bộ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 31 tháng 3 năm 2025).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Xuân Điền